

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1023/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2022
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Kim Anh

2/ Ông Phạm Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh Hương – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bạch Ngọc Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 874/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thu H, sinh năm: 1972

Địa chỉ: 113 Đường số XX, khu phố X, phường T, quận B, Thành phố HCM (Xin vắng mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Lê Sơn H, sinh năm: 1965

Địa chỉ: 113 Đường số XX, khu phố X, phường T, quận B, Thành phố HCM (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1) Theo đơn khởi kiện nộp cho Tòa án của nguyên đơn Bà Nguyễn Thu H và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Bà và Ông Lê Sơn H có thời gian quen biết thì tự nguyện kết hôn vào năm 1993. Đến năm 2007 được Ủy ban nhân dân phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp lại giấy đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01/2007 ngày 13/02/2007. Do trước khi kết hôn, bà và ông H chưa tìm hiểu kỹ về nhau, nên sau khi kết hôn, vợ

chồng ông bà thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, cuộc sống chung không hòa hợp. Thời gian phát sinh mâu thuẫn từ năm 1996 đến nay, bà và ông H không chia sẻ với nhau về công việc, về cuộc sống gia đình, mạnh ai nấy sống, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà và Ông Lê Sơn H sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông H, vợ chồng không thể hàn gắn, nên bà yêu cầu được ly hôn với Ông Lê Sơn H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và Ông Lê Sơn H có 02 con chung tên Lê Ngọc Đ, sinh ngày 07/02/1993 và Lê Ngân H, sinh ngày 29/01/1999. Các con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác định không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

2) Bị đơn là Ông Lê Sơn H: Sau khi thụ lý hồ sơ, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đạt theo quy định của pháp luật nhưng Ông Lê Sơn H vắng mặt không có lý do và cũng không gửi ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của Bà H.

Do Ông Lê Sơn H vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải.

3) Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân của Ông Lê Sơn H và Bà Nguyễn Thu H tại địa phương thì địa phương cho biết chưa nhận được yêu cầu hòa giải mâu thuẫn tranh chấp giữa Ông Lê Sơn H và Bà Nguyễn Thu H.

4) Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Thu H có đơn xin vắng mặt.

- Ông Lê Sơn H vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng thẩm quyền, thực hiện đúng trình tự tố tụng từ tổng đạt, thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa; Thời hạn xét xử chưa đảm bảo theo quy định.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H với ông H tự nguyện tìm hiểu, chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa ngày 13/2/2007. Thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do đôi bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không quan tâm đến nhau, vì sống không hạnh phúc nên bà yêu cầu tòa án cho bà được ly hôn với ông H. Ông H dù có mặt tại địa phương nhưng không đến Tòa án theo giấy

triệu tập mà không có lý do chính đáng, việc này được xem như ông H đã từ bỏ quyền lợi bản thân do pháp luật quy định nên phải tự chịu trách nhiệm.

Xét tình cảm vợ chồng Bà H, ông H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Ngọc Đ, sinh ngày: 07/2/1993; Lê Ngân H, sinh ngày: 29/1/1999. Hai người con đã thành niên nên không xem xét.

Về tài sản chung, về nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Các đương sự đều không nộp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu Tòa án điều tra, thu thập thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thu H và Ông Lê Sơn H có đăng ký kết hôn, Bà Nguyễn Thu H yêu cầu ly hôn với Ông Lê Sơn H nên đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Do tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Ông Lê Sơn H đang cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Ông Lê Sơn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do; Nguyên đơn Bà Nguyễn Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a, điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01/2007 ngày 13/02/2007 do Ủy ban nhân dân phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp có căn cứ xác định hôn nhân giữa Bà H và ông H là hợp pháp.

Xét yêu cầu Bà Nguyễn Thu H được ly hôn với Ông Lê Sơn H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Nguyễn Thu H và Ông Lê Sơn H tự nguyện kết hôn vào năm 1993 và đã có 02 con chung. Theo Bà H trình bày thì bà và Ông Lê Sơn H không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung không hòa hợp dẫn đến mâu thuẫn, Bà H và ông H cũng không chia sẻ với nhau về công việc, về cuộc sống gia đình, mạnh ai nấy sống, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, ông bà đã không sống chung từ năm 2017 đến nay.

Bị đơn Ông Lê Sơn H hiện vẫn đang cư trú tại địa chỉ do Bà H cung cấp, nhưng ông vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không gửi đến Tòa án ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của Bà H, mặc dù ông đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để đến Tòa án để giải quyết vụ án. Cho thấy, ông H không còn quan tâm đến Bà H cũng như không quan tâm đến cuộc hôn nhân của ông bà. Tại tất cả những buổi làm việc do Tòa án tiến hành Bà H vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông H.

Như vậy, có căn cứ xác định ông H vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình là “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau”.

Theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”

Bà H yêu cầu được ly hôn, ông H vắng mặt tại tất cả những buổi làm việc, hòa giải do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa xét xử vụ án, ông cũng không có ý kiến mong muốn đoàn tụ. Cho thấy, tình trạng hôn nhân của ông H và Bà H lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Nguyễn Thu H đối với Ông Lê Sơn H. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Nguyễn Thu H đối với Ông Lê Sơn H.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thu H và Ông Lê Sơn H có 02 (Hai) con chung là Lê Ngọc Đ, sinh ngày 07/02/1993 và Lê Ngân H, sinh ngày 29/01/1999. Các con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà H khai bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà H xác định không có nên không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thu H phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm a, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 4 Điều 147, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thu H về việc xin ly hôn với Ông Lê Sơn H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thu H được ly hôn với Ông Lê Sơn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01/2007 ngày 13/02/2007 do Ủy ban nhân dân phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp không còn giá trị.

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thu H và Ông Lê Sơn H có 02 (Hai) con chung là Lê Ngọc Đ, sinh ngày 07/02/1993 và Lê Ngân H, sinh ngày 29/01/1999. Các con chung đã thành niên, nên không xem xét.

1.3. Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

1.4. Về nợ chung: Bà H xác định không có, nên không xem xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Bà Nguyễn Thu H phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà Bà H đã nộp theo biên lai thu số 0032803 ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Bình Tân;
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Chi cục THA DS Q.Bình Tân;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Hạnh